

Những thay đổi quan trọng trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ 2025 (Luật số 131/2025/QH15)

Ngày 10/12/2025, trong khuôn khổ Kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (Luật số 131/2025/QH15). Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/04/2026. Đồng thời, nghị định số 100/2026/NĐ-CP và thông tư 10/2026/TT-BKHCN cũng đã được ban hành vào ngày 31/3/2026, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật Sở hữu trí tuệ lần này tiếp tục thể hiện sự thống nhất trong việc triển khai đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước được đề ra trong các văn bản gần đây, đồng thời nhằm bảo đảm sự thống nhất và đồng bộ với các quy định pháp luật liên quan.

Một trong những nội dung sửa đổi quan trọng của Luật là việc cải cách thủ tục hành chính và quá trình chuyển đổi số toàn diện hệ thống xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Bên cạnh đó, Luật cũng thiết lập cơ sở pháp lý nhằm thúc đẩy hoạt động quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ như một loại tài sản có khả năng sinh lợi, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, an sinh xã hội.

Dưới đây là một số nội dung sửa đổi có tác động đáng kể đến các chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, đã được HAVIP tóm lược và kèm theo những phân tích, đánh giá cụ thể.

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
1.	Khái niệm kiểu dáng công nghiệp (KDCN):	Điều 4 khoản 13	Mở rộng phạm vi khái niệm KDCN.	Việc chấp nhận bảo hộ KDCN từng phần và KDCN dưới dạng phi vật lý

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
	<p>“Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của toàn bộ hoặc một phần của sản phẩm dưới dạng vật lý hoặc phi vật lý, được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này và nhìn thấy được trong quá trình khai thác công dụng của sản phẩm.”</p>		<p>KDCN không chỉ là hình dáng bên ngoài của toàn bộ sản phẩm mà có thể là <u>một phần</u> của sản phẩm, không chỉ là sản phẩm dưới dạng vật lý mà còn có thể dưới dạng <u>phi vật lý</u>.</p>	<p>đánh dấu bước tiến mới trong hệ thống bảo hộ KDCN tại Việt Nam, vốn trước đây chỉ bảo hộ KDCN toàn phần dưới dạng vật lý.</p> <p>Về thực tiễn, doanh nghiệp có thể cân nhắc bảo hộ KDCN riêng phần, KDCN phi vật lý như GUI, icon, giao diện hiển thị, hoặc các thành phần hình ảnh số mà trước đây khó định vị trong khuôn khổ hệ thống bảo hộ KDCN truyền thống. Điều này mang lại ý nghĩa tích cực, đặc biệt đối với các ngành như điện tử tiêu dùng, thiết bị thông minh, phần mềm, ô tô, các bộ phận của mũ bảo hiểm, màn hình hiển thị và hệ sinh thái sản phẩm số.</p> <p>Ngoài ra, nội dung sửa đổi này còn góp phần bảo đảm sự thống nhất và đơn giản hóa việc xử lý các đơn nộp tại Việt Nam có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên từ các đơn nộp tại nước ngoài, cũng như các đơn nộp theo hệ thống</p>

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
				La Hay có phạm vi bảo hộ từng phần hoặc được thể hiện dưới dạng phi vật lý.
2.	<p>Cơ chế phát sinh quyền sở hữu trí tuệ có sử dụng AI:</p> <p>Căn cứ vào quy định của Luật này, Chính phủ quy định việc phát sinh, xác lập quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này trong trường hợp đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo.</p> <p>d) Tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 122 của Luật này</p> <p>.....</p>	<p>Điều 6 khoản 5; liên quan thêm Điều 96 khoản 1 điểm d, Điều 109 khoản 2 điểm c1, Điều 117 khoản 1b</p>	<p>Bổ sung cơ chế cho đối tượng SHTT được tạo ra có sử dụng AI; đồng thời chính sách lập pháp thể hiện rõ định hướng chỉ bảo hộ đối tượng do con người tạo ra hoặc khi con người có đóng góp đáng kể vào việc sáng tạo ra các đối tượng đó.</p> <p>Bổ sung các căn cứ mới liên quan đến tư cách tác giả: (i) văn bằng có thể bị tước công nếu tác giả sáng chế/KDCN không đáp ứng Điều 122.1; (ii) đơn có thể bị coi là không hợp lệ hoặc bị từ chối cấp bằng nếu có cơ sở khẳng định tác giả không đáp ứng điều kiện pháp luật.</p>	<p>Đối với các hồ sơ đăng ký sáng chế hoặc kiểu dáng công nghiệp có yếu tố AI, rủi ro liên quan đến việc xác định tư cách tác giả là khá lớn. Nếu tài liệu trong hồ sơ hoặc các chứng cứ cho thấy “chủ thể tạo ra” không phải là con người, đơn đăng ký có thể bị từ chối ngay từ giai đoạn thẩm định hình thức, trong quá trình thẩm định nội dung, hoặc thậm chí văn bằng đã được cấp cũng có thể bị hủy bỏ hiệu lực. Về chiến lược, các nội dung liên quan đến đơn cần thể hiện rằng AI chỉ là công cụ hỗ trợ, còn hoạt động sáng tạo cốt lõi vẫn do con người thực hiện.</p>

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
3.	<p>Quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ:</p> <p>1. Chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ có trách nhiệm lập danh mục riêng để quản trị nội bộ trong trường hợp quyền sở hữu trí tuệ chưa đáp ứng điều kiện để ghi nhận giá trị tài sản trong sổ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.</p> <p>2. Chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ được sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để thực hiện các hoạt động giao dịch dân sự, thương mại, đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật liên quan theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	Điều 8a	Quy định bổ sung này khẳng định quyền sở hữu trí tuệ là một loại tài sản và khuyến khích việc khai thác, sử dụng quyền này để góp vốn tương tự như đối với các tài sản hữu hình khác. Đồng thời, quy định cũng tạo ra cơ sở pháp lý rõ ràng hơn cho việc xác định và định giá tài sản sở hữu trí tuệ.	Thị trường định giá tài sản sở hữu trí tuệ được kỳ vọng sẽ trở nên sôi động hơn trong thời gian tới khi cơ chế định giá đối với loại tài sản này được ghi nhận trong pháp luật chuyên ngành, kéo theo nhu cầu định giá gia tăng đáng kể. Nếu trước đây các doanh nghiệp còn thận trọng trong việc chấp nhận tài sản sở hữu trí tuệ làm đối tượng góp vốn đầu tư hoặc bảo đảm cho các khoản vay kinh doanh, thì nay các quy định mới đã bước đầu tạo ra cơ sở pháp lý và định hướng mở cho những hoạt động này. Tuy nhiên, việc tài sản hóa, thương mại hóa và thị trường hóa quyền sở hữu trí tuệ có lẽ vẫn cần thêm thời gian để tiếp tục hoàn thiện, phát triển và vận hành một cách trơn tru và hiệu quả.

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
	<p>3. Nhà nước khuyến khích khai thác quyền sở hữu trí tuệ, sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để góp vốn hoặc thế chấp để vay vốn theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>			
4.	<p>Thời gian ân hạn cho việc bộc lộ kiểu dáng trong đánh giá tính mới của KDCN:</p> <p>4. Kiểu dáng công nghiệp không bị coi là mất tính mới nếu được người có quyền đăng ký quy định tại Điều 86 của Luật này hoặc người có được thông tin về kiểu dáng công nghiệp một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ người đó bộc lộ công khai với điều kiện đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được</p>	<p>Điều 65 khoản 4, khoản 5</p>	<p>Bổ sung cơ chế ân hạn tính mới 6 tháng cho KDCN khi kiểu dáng bị bộc lộ công khai. Nếu trước đây Luật chỉ cho phép ân hạn 6 tháng đối với trường hợp KDCN bị người khác công bố nhưng không được phép của người có quyền đăng ký, KDCN được người có quyền đăng ký công bố dưới dạng báo cáo khoa học hoặc trưng bày tại cuộc triển lãm quốc gia của Việt Nam hoặc tại cuộc triển lãm quốc tế chính</p>	<p>Quy định này mang lại lợi thế đáng kể cho người nộp đơn KDCN. Cụ thể, trong một số tình huống công khai sản phẩm trước ngày nộp đơn, dù là do sơ suất hay phục vụ chiến lược marketing thì KDCN vẫn có thể được coi là đáp ứng tính mới nếu nộp trong ân hạn luật định.</p>

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
	<p>nộp trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày bộc lộ.</p> <p>5. Quy định tại khoản 4 Điều này cũng áp dụng đối với kiểu dáng công nghiệp được bộc lộ trong đơn đăng ký sở hữu công nghiệp hoặc văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp do cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp công bố trong trường hợp việc công bố không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc đơn do người không có quyền đăng ký nộp.</p>		<p>thức hoặc được thừa nhận là chính thức thì Luật sửa đổi tạo ra cơ chế mở cho tất cả các trường hợp KDCN bị bộc lộ trong thời gian ân hạn; đồng thời cơ chế này cũng áp dụng nếu việc công bố diễn ra không phù hợp pháp luật hoặc do người không có quyền đăng ký nộp đơn.</p>	
5.	<p>Khả năng áp dụng của KDCN: Kiểu dáng công nghiệp được coi là có khả năng áp dụng công nghiệp nếu có thể dùng làm mẫu để tạo ra hàng loạt sản phẩm có hình dáng bên ngoài hoặc một phần hình</p>	Điều 67	<p>Sửa lại tiêu chí “khả năng áp dụng công nghiệp” của KDCN: ngoài việc dùng làm mẫu để tạo ra hàng loạt sản phẩm vật lý, luật còn công nhận khả năng tái tạo</p>	<p>Điểm mới này góp phần thiết lập cơ sở pháp lý rõ ràng hơn cho việc bảo hộ và thực thi quyền đối với các đối tượng thiết kế số, thay vì chỉ giới hạn trong các sản phẩm hữu hình.</p>

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
	<p>dáng bên ngoài là kiểu dáng công nghiệp, thông qua việc sản xuất sản phẩm vật lý bằng phương pháp công nghiệp hoặc thủ công nghiệp hoặc để tái tạo đồng nhất sản phẩm phi vật lý trên không gian mạng.</p>		<p>đồng nhất sản phẩm phi vật lý trên không gian mạng.</p>	
6.	<p>Chủ thể có quyền đăng ký sáng chế/KDCN đối với kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước: Tổ chức được giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công</p>	<p>Điều 86 khoản 1 điểm c</p>	<p>Mở rộng chủ thể có quyền đăng ký sáng chế/KDCN đối với kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước: tổ chức được giao quyền quản lý, sử dụng hoặc quyền sở hữu kết quả có quyền đăng ký.</p>	<p>Trong thực tiễn chuyển giao công nghệ, đề tài nghiên cứu, nhiệm vụ khoa học công lập hoặc hợp tác công-tư, việc xác định đúng chủ thể đứng tên nộp đơn trở nên quan trọng hơn trước. Đại diện SHCN cần rà kỹ quyết định giao nhiệm vụ, quyết định giao quyền quản lý/sử dụng/sở hữu kết quả để tránh nộp đơn dưới tên chủ đơn không chính xác.</p>

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
	<p>nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ đó</p>			
7.	<p>Cách thức nộp đơn yêu cầu thực hiện các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp:</p> <p>Đơn trong các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp phải được nộp dưới hình thức văn bản ở dạng giấy hoặc dạng điện tử theo hệ thống nộp đơn điện tử.</p>	<p>Điều 89 khoản 3</p>	<p>Chuẩn hóa cách thức nộp đơn: hồ sơ trong các thủ tục SHCN có thể nộp dưới dạng giấy hoặc điện tử theo hệ thống nộp đơn điện tử.</p>	<p>Đây là cơ sở pháp lý rõ hơn cho việc nộp đơn điện tử (e-filing), góp phần đẩy nhanh quy trình nộp đơn và chuẩn hóa hoạt động vận hành nội bộ. Trên thực tế, các đại diện SHCN nên chuẩn bị quy trình quản lý hồ sơ điện tử, bao gồm quản lý tập tin, bản scan, dữ liệu ký số, lịch nộp điện tử, cũng như kiểm soát bản nộp cuối cùng chặt chẽ hơn, do tiến độ xử lý sẽ nhanh hơn.</p>
	<p>Kiểm soát an ninh đối với sáng chế trước khi nộp đơn đăng ký ở nước ngoài</p> <p>Sáng chế thuộc danh mục bí mật nhà nước trong các lĩnh vực kỹ thuật có tác động đến quốc phòng, an ninh, được tạo ra tại Việt Nam</p>	<p>Điều 89a khoản 1</p>	<p>Về cơ bản, quy định kiểm soát an ninh đối với sáng chế “mật” không thay đổi. Luật sửa đổi quy định rõ tên cơ quan có thẩm quyền kiểm soát an ninh đối với sáng chế “mật”.</p>	<p>Với các hồ sơ kỹ thuật nhạy cảm, đặc biệt liên quan quốc phòng, an ninh hoặc công nghệ chiến lược, trước khi nộp PCT/đơn nước ngoài cần rà soát kỹ yếu tố bí mật nhà nước. Nếu bỏ qua bước này, rủi ro không chỉ là thủ tục mà còn có thể liên quan đến tuân thủ</p>

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
	<p>và thuộc quyền đăng ký của cá nhân là công dân Việt Nam và thường trú tại Việt Nam hoặc của tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam chỉ được nộp đơn đăng ký sáng chế ở nước ngoài sau khi Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an cho phép.</p>			<p>pháp luật chuyên ngành. Người nộp đơn tốt nhất nên nộp đơn sáng chế bảo hộ tại Việt Nam trước khi thực hiện thủ tục bảo hộ tại các nước khác để phòng tránh tối đa rủi ro.</p>
8.	<p>Ủy quyền đại diện trong các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp:</p> <p>3. Văn bản ủy quyền không có thời hạn ủy quyền thì thời hạn ủy quyền được xác định theo quy định của Bộ luật Dân sự. Trường hợp bên ủy quyền hoặc bên được ủy quyền đơn phương chấm dứt việc ủy quyền thì phải có văn bản tuyên bố chấm dứt việc ủy quyền.</p>	<p>Điều 107 khoản 3</p>	<p>Nếu trước đây Giấy ủy quyền không có nội dung nhắc đến thời hạn ủy quyền được coi là có hiệu lực vô thời hạn và chỉ chấm dứt hiệu lực khi bên ủy quyền tuyên bố chấm dứt ủy quyền thì Luật sửa đổi yêu cầu xác định rõ thời hạn ủy quyền. Quy định này đưa ra nhằm bảo đảm sự phù hợp và thống nhất với quy định liên quan tại Bộ luật dân sự.</p>	<p>Theo thông tư 10/2026/TT-BKHCN hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, quy định liên quan đến thời hạn ủy quyền đã được hướng dẫn cụ thể hơn theo hướng bảo đảm quyền lợi tối đa cho các đại diện SHCN và người nộp đơn. Theo đó, văn bản ủy quyền có thời hạn hiệu lực dài nhất khi có nội dung “Văn bản ủy quyền này có hiệu lực cho đến khi bị tuyên bố chấm dứt hiệu lực hoặc thay thế bằng văn bản ủy quyền khác”. Tuy nhiên, điều các đại diện SHCN còn quan ngại là, theo quy định mới,</p>

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
				<p>các giấy ủy quyền trước đây không quy định rõ thời hạn ủy quyền (vốn được xem là có hiệu lực vô thời hạn theo Luật SHTT cũ) có thể không còn được chấp nhận để chỉ định cho các vụ việc phát sinh trong tương lai. Việc này sẽ vô hình chung tạo thêm trở ngại cho người nộp đơn. Hiện vấn đề này vẫn cần được kiểm chứng và chờ sự xác nhận trong quá trình áp dụng trên thực tế.</p>
9.	<p>Công khai đơn đăng ký nhãn hiệu, công bố đơn đăng ký sở hữu công nghiệp</p> <p>2. Đơn đăng ký sáng chế hợp lệ về hình thức được công bố trong tháng thứ mười chín kể từ ngày nộp đơn hoặc từ ngày ưu tiên đối với đơn được hưởng quyền ưu tiên. Trường hợp người nộp đơn</p>	Điều 110 khoản 2 & 3	<p>Thay đổi thời điểm công bố đơn sáng chế trong trường hợp có yêu cầu công bố sớm và đơn KDCN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu như trước đây đơn sáng chế có yêu cầu công bố sớm được công bố trong vòng 2 tháng kể từ ngày có yêu cầu công bố sớm hoặc kể từ ngày 	<p>Quy định này có ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược bảo mật thông tin trước khi đưa sản phẩm ra thị trường. Đối với các sản phẩm chuẩn bị ra mắt, doanh nghiệp nên cân nhắc ngay từ thời điểm nộp đơn xem có cần hoãn công bố hay không; nếu không có sự chủ động, đơn sẽ được công bố trong thời gian khá sớm.</p>

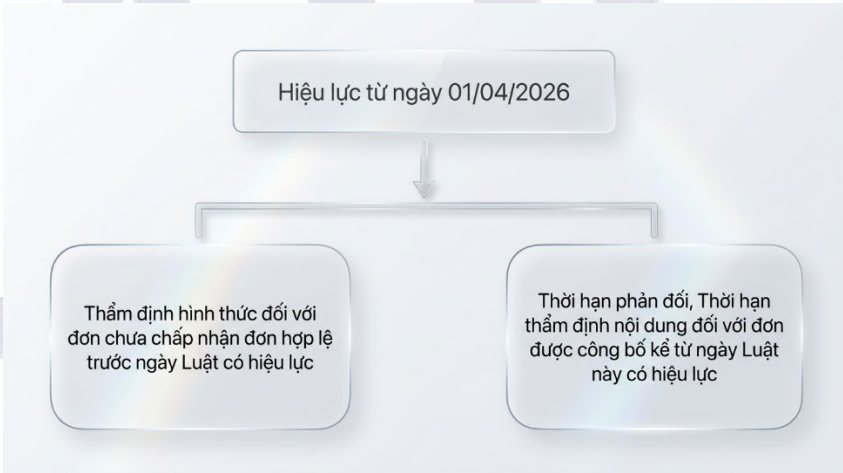
STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
	<p>có yêu cầu công bố sớm, đơn được công bố trong thời hạn một tháng kể từ ngày người nộp đơn có yêu cầu công bố sớm hoặc kể từ ngày đơn được coi là hợp lệ, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.</p> <p>3. Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, đơn đăng ký nhãn hiệu, đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được công bố trong thời hạn một tháng kể từ ngày đơn được coi là hợp lệ. Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp có thể được công bố vào thời điểm muộn hơn theo yêu cầu của người nộp đơn tại thời điểm nộp đơn nhưng không quá bảy tháng kể từ ngày nộp đơn.</p>		<p>đơn được coi là hợp lệ, tùy theo thời điểm nào muộn hơn thì theo Luật đơn được công bố trong thời hạn một tháng kể từ thời điểm kể trên.</p> <p>- Đơn KDCN và đơn đăng ký Nhãn hiệu được công bố trong vòng 01 tháng kể từ ngày đơn được coi là hợp lệ, thay vì 2 tháng như trước đây.</p>	
10.	Phản đối đơn đăng ký sở hữu công nghiệp	Điều 112a khoản 1	Rút ngắn và phân hóa thời hạn phản đối: đối với đơn sáng chế	Điều này làm gia tăng đáng kể áp lực theo dõi công báo và đánh giá sớm khả

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
	<p>1. Trong các thời hạn sau đây, bất kỳ người thứ ba nào cũng có quyền phản đối việc cấp văn bằng bảo hộ:</p> <p>a) Sáu tháng kể từ ngày đơn đăng ký sáng chế được công bố hoặc ba tháng kể từ ngày đơn đăng ký sáng chế được công bố trong trường hợp đơn đăng ký sáng chế được thẩm định nội dung nhanh theo quy định tại khoản 2a Điều 119 của Luật này;</p> <p>b) Ba tháng kể từ ngày đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, đơn đăng ký nhãn hiệu, đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được công bố.</p>		<p>là 06 tháng từ ngày công bố thay vì 09 tháng như trước đây, nếu sáng chế được thẩm định nội dung nhanh thì thời hạn phản đối chỉ còn 03 tháng; đối với KDCN và Nhãn hiệu là 03 tháng từ ngày công bố thay vì 04 tháng đối với KDCN và 5 tháng đối với Nhãn hiệu như trước đây.</p>	<p>năng xung đột. Do đó, đối với các doanh nghiệp có danh mục cạnh tranh lớn và các đại diện SHCN nên thiết lập cơ chế watching service hoặc quy trình rà soát định kỳ để không bỏ lỡ “cửa sổ” phản đối vốn đã ngắn hơn so với trước đây.</p>
11.	<p>Yêu cầu thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế</p> <p>Trong thời hạn ba mươi sáu tháng kể từ ngày nộp đơn hoặc kể từ ngày ưu tiên trong trường hợp đơn</p>	Điều 113 khoản 1	<p>Người nộp đơn hoặc bất kỳ người thứ ba nào cũng có quyền yêu cầu thẩm định nội dung đơn sáng chế trong thời hạn 36 tháng</p>	<p>Thời hạn yêu cầu thẩm định nội dung đối với đơn sáng chế đã được rút ngắn; do đó, các đại diện sở hữu công nghiệp cần lưu ý để thông báo chính xác thời hạn này cho người nộp đơn. Trong</p>

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
	được hưởng quyền ưu tiên, người nộp đơn đăng ký sáng chế hoặc bất kỳ người thứ ba nào đều có quyền yêu cầu thẩm định nội dung đơn với điều kiện phải nộp phí thẩm định nội dung đơn		kể, thay vì 42 tháng từ ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên.	thực tiễn, quy định này có thể làm thay đổi tiến độ xử lý hồ sơ và chiến thuật tố tụng/đối kháng giữa các bên.
12.	<p>Thời hạn xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp</p> <p>a) Đối với sáng chế: trong thời hạn mười hai tháng kể từ ngày công bố đơn nếu yêu cầu thẩm định nội dung được nộp trước ngày công bố đơn hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu thẩm định nội dung nếu yêu cầu đó được nộp sau ngày công bố đơn;</p> <p>b) Đối với nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp và chỉ dẫn địa lý: trong thời hạn năm tháng kể từ ngày công bố đơn</p>	Điều 119, khoản 2 điểm a và điểm b khoản 2a	Rút ngắn thời hạn thẩm định nội dung: sáng chế còn 12 tháng thay vì 18 tháng; KDCN còn 05 tháng thay vì 07 tháng; Nhãn hiệu còn 5 tháng thay vì 9 tháng. Đồng thời bổ sung thẩm định nội dung nhanh cho đơn sáng chế với thời hạn 03 tháng trong trường hợp do Chính phủ quy định và thẩm định nhanh 3 tháng đối với nhãn hiệu đối với những đơn đăng ký nhãn hiệu đáp ứng quy định. Các trường hợp được quy định để đáp ứng yêu cầu	<p>Đây là một bước cải cách hành chính quan trọng nhằm rút ngắn thời gian cấp văn bằng bảo hộ cho doanh nghiệp, qua đó góp phần thúc đẩy quá trình thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ.</p> <p>Thay đổi có tác động vận hành rõ nhất. Mọi khâu từ chuẩn bị tài liệu, trả lời thiếu sót, xây dựng kế hoạch phản đối, chuyển giao quyền sử dụng, gọi vốn, ra mắt sản phẩm đến dự báo ngày cấp đều phải điều chỉnh theo tiến độ mới. Với sáng chế cần được cấp văn bằng sớm, cơ chế yêu cầu thẩm định nhanh</p>

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
			<p>thẩm định nhanh đối với đơn sáng chế và nhãn hiệu còn khá hạn chế, chỉ áp dụng trong một số tình huống đặc biệt thực sự cần thiết.</p> <p>Việc sử dụng kết quả tra cứu thông tin và kết quả thẩm định nội dung của đơn đăng ký sáng chế đồng dạng của cơ quan sáng chế nước ngoài được đưa vào thông tư vừa ban hành. Theo đó, thời hạn nhận được thông báo kết quả thẩm định nội dung được rút ngắn còn 08 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu của người nộp đơn trong trường hợp này.</p>	<p>có thể trở thành công cụ chiến lược rất đáng chú ý. Đặc biệt, quy định mới đã thiết lập cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc cấp văn bằng bảo hộ sớm đối với các đơn sáng chế Việt Nam có đơn đồng dạng đã được cấp bằng tại nước ngoài thông qua việc sử dụng kết quả tra cứu và thẩm định nội dung tại các cơ quan đã thẩm định trước.</p> <p>Ngoài ra, cơ chế thẩm định nhanh đối với Nhãn hiệu được chính thức đưa vào Luật giúp chủ sở hữu nhãn hiệu đẩy nhanh việc xác lập quyền để xử lý các vấn đề xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu.</p>
13.	<p>Sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp</p> <p>a) Sản xuất sản phẩm hoặc một phần của sản phẩm có hình dáng</p>	Điều 124 khoản 2 điểm a, điểm d	Mở rộng hành vi sử dụng KDCN được bảo hộ: không chỉ bao gồm sản xuất sản phẩm mà còn có thể là sản xuất một phần của sản	Sự thay đổi này nhằm bảo đảm sự phù hợp với sửa đổi liên quan đến định nghĩa mới của đối tượng “kiểu dáng”.

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
	<p>bên ngoài là kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ</p> <p>d) Lưu thông bản sao kỹ thuật số của sản phẩm phi vật lý có hình dáng bên ngoài hoặc một phần hình dáng bên ngoài là kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ</p>		<p>phẩm có hình dáng bên ngoài là KDCN được bảo hộ, và bao gồm cả hành vi lưu thông bản sao kỹ thuật số của sản phẩm phi vật lý mang KDCN được bảo hộ.</p>	<p>Trong hoạt động thực thi quyền, đây được xem là một thay đổi mang tính bước ngoặt đối với KDCN trong môi trường số. Chủ sở hữu giờ có căn cứ pháp lý rõ hơn để xử lý các hành vi liên quan đến giao diện đồ họa người dùng (GUI), biểu tượng (icon) không chỉ trên sản phẩm hữu hình mà cả trên nền tảng số, ứng dụng, website, marketplace hoặc các kênh phân phối bản sao số.</p>
14.	<p>Thẩm quyền và thủ tục chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế trên cơ sở xem xét yêu cầu được chuyển giao quyền sử dụng đối với trường hợp quy</p>	<p>Điều 147 khoản 1</p>	<p>Làm rõ thẩm quyền ra quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc giữa UBND cấp tỉnh/thành phố và Bộ/cơ quan ngang Bộ tùy căn cứ áp dụng.</p>	<p>Thay đổi này không tác động đến mọi hồ sơ, nhưng rất quan trọng với sáng chế trong lĩnh vực thiết yếu, y tế, quốc phòng hoặc lợi ích công cộng. Khi tư vấn về việc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc, đại diện SHCN cần dự liệu trước các rủi ro có thể phát sinh và xác định cơ quan có thẩm quyền can thiệp.</p>

STT	Nội dung sửa đổi	Điều luật	Phân tích sơ bộ nội dung sửa đổi so với quy định trong Luật cũ	Ảnh hưởng thực tiễn
	<p>định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 145 của Luật này.</p> <p>Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình trong trường hợp quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều 145 của Luật này.</p>			
	<p>Thời hạn hiệu lực và Điều khoản chuyển tiếp</p>			

Theo: Nguyễn Thoa, Ngô Thọ